TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2023/DS-ST Ngày 22 - 3 - 2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nông Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: TDP7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2022)

**** Bị đơn:*** Bà Tô Thị Nhật H.

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Bá Lan V, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hữu T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 29/12/2021 dương lịch, bà H có hỏi vay bà T số tiền là 5.000.000 đồng, hẹn khi nào khi nào bà T cần tiền thì bà H sẽ trả. Cùng ngày, bà T đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản số 24078499999 của bà H mở tại Ngân hàng Q. Khi vay, 2 bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1.6%/ tháng. Sau một thời gian, bà T đã nhắn tin, gọi điện hỏi bà H nhưng bà H hẹn khất nhiều lần và không trả.

Vì vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Tô Thị Nhật H phải trả cho bà T số tiền đã vay là 5.000.000 đồng và lãi suất cho đến khi trả nợ xong. Đến ngày 01/3/2023 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Bá Lan V trình bày:

Bà H và bà T là bạn bè với nhau nên trước đây không nhớ rõ thời gian cụ thể bà H có vay của bà T 5.000.000 đồng, số tiền này bà Tuyển đã chuyển khoản vào tài khoản của bà H và bà H hứa khi nào bà T cần tiền thì bà H sẽ trả. Sau khi vay 1 thời gian thì bà T đòi nợ thì Huyền đã trả toàn bộ số tiền đã vay cho bà T. Do tin tưởng nên khi vay tiền và trả tiền thì đều không có viết giấy với nhau và không có ai làm chứng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền 5.000.000 đồng và lãi suất thì bà H không đồng ý trả nợ vì bà H đã trả hết nợ cho bà T.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H phản trả cho bà T số tiền gốc 5.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 5.000.000 đồng nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại thôn 8, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền vay gốc: Theo lời khai của các đương sự đều thừa nhận ngày 29/12/2021, bà Nông Thị T đã cho bà Tô Thị Nhật H vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng Q theo số tài khoản 24078499999, chủ tài khoản: Tô Thị Nhật H. Khi vay, các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về việc vay mượn, không lập giấy tờ gì. Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ vay nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả được nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 5.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 5.000.000 đồng, nhưng không được bà T thừa nhận, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình là có cơ sở nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[2.2] Về lãi suất: Ngày 01/3/2023 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất. Xét yêu cầu không tính lãi suất của nguyên đơn là tự nguyện nên cần chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch là 300.000 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà T không phải chịu án phí và được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T.

1. Buộc bà Tô Thị Nhật H có nghĩa vụ trả cho bà Nông Thị T 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T về yêu cầu tính lãi suất của khoản vay.

2. Về án phí:

- Bà Tô Thị Nhật H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nông Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0017474 ngày 15/12/2022.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định